



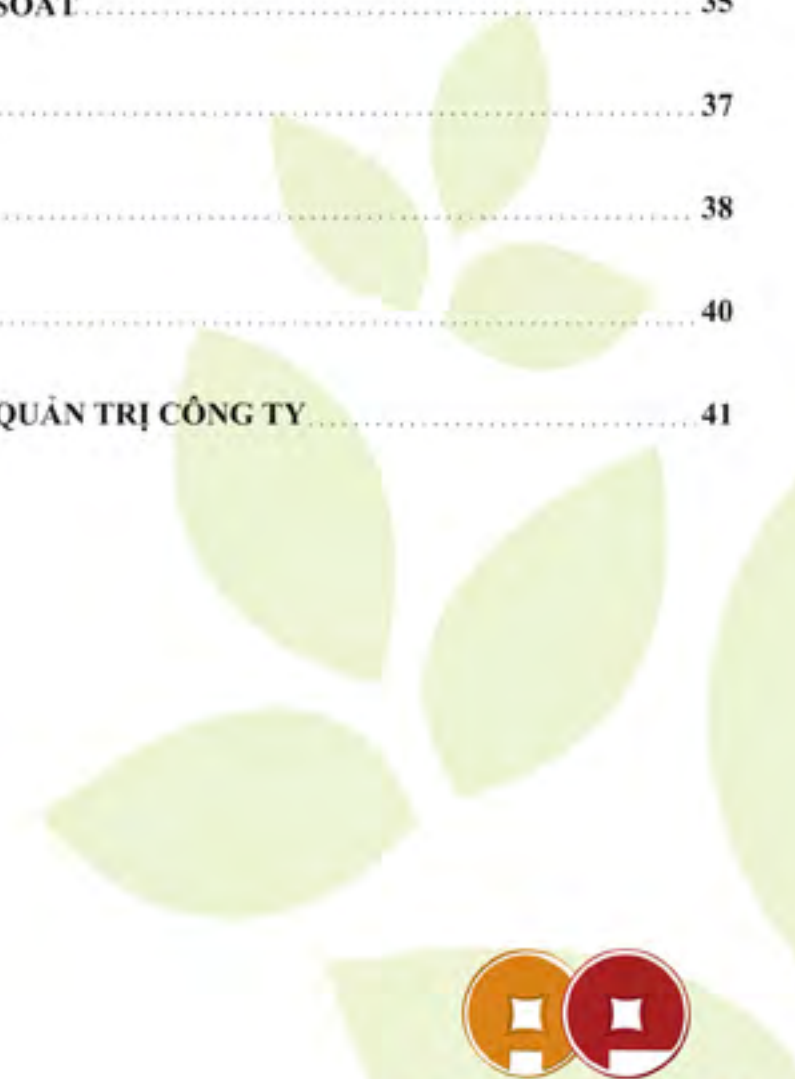
AN PHAT PLASTIC

Chia sẻ sự thịnh vượng



MỤC LỤC

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	4
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.....	5
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	10
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	13
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	35
QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG.....	37
THÀNH TÍCH.....	38
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC.....	40
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	41



AN PHAT PLASTIC



Chủ tịch hội đồng quản trị
Phạm Anh Dương

“Chúng tôi cam kết sẽ làm hết sức mình, nỗ lực phấn đấu vì sự tăng trưởng, phát triển bền vững, khẳng định thương hiệu An Phát là “Doanh nghiệp Xanh”, bảo vệ và gia tăng được lợi ích lâu dài của quý vị cổ đông”

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã thực hiện thành công kế hoạch năm 2010. Trong năm qua, Công ty tiếp tục tăng trưởng mạnh ở nhiều mặt hoạt động như vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận. Kết quả kinh doanh tăng vượt bậc so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thực hiện đạt 136,44%; Lợi nhuận sau thuế đạt 164,59%. Hội đồng Quản trị đã định hướng và hỗ trợ. Ban điều hành thực hiện tốt một số giải pháp liên quan đến định hướng chiến lược công ty, kỹ thuật công nghệ, nhân lực, thị phần, mở rộng và đa dạng hóa sản xuất, quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm và giữ trọn niềm tin của khách hàng.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông và tất cả các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước đã luôn quan tâm, hỗ trợ chúng tôi trong những năm qua. Xin đặc biệt cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên công ty về nhiệt huyết và trách nhiệm, luôn đồng hành cùng các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị ý thức rõ năm 2011 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất, khi chúng ta phải đối mặt với hệ lụy và rủi ro của thời kỳ hậu khủng hoảng cũng như sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Vì lẽ đó, chúng tôi cam kết sẽ làm hết sức mình, nỗ lực phấn đấu vì sự tăng trưởng, phát triển bền vững của Công ty mà trước mắt là đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch 2011, qua đó khẳng định và nâng cao thương hiệu An Phát là “Doanh nghiệp Xanh”, bảo vệ và gia tăng được lợi ích lâu dài của quý vị cổ đông, đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội, vì một hành tinh xanh, như tôn chỉ và sứ mệnh An Phát đã đặt ra.

Trân trọng!



PHẠM ANH DƯƠNG
Chủ tịch HĐQT

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG:

Tháng 09/2002

Công ty TNHH Anh Hai Duy (tiền thân của Công ty Nhựa và Môi trường xanh An Phát) được thành lập với hai thành viên, vốn Điều lệ 500 triệu đồng.

Tháng 04/2004

Công ty đầu tư nhà máy tái chế nhựa và sản xuất bao bì nhựa trên diện tích 10.000 m² tại Khu công nghiệp Nam Sách, Hải Dương.

Tháng 05/2005

Cuối tháng 5/2005, Công ty tiến hành san lấp xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa trên diện tích 19.967 m² tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng theo quyết định chấp thuận cho thuê trong thời gian 25 năm của UBND tỉnh Hải Dương.

Tháng 03/2007

Tháng 3/2007, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát chính thức được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát, vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 30 tỷ đồng.

Tháng 4/2007

Ngày 06/04/2007, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 30 tỷ được phát hành cho các cổ đông cá nhân mới.

Tháng 12/2007

Ngày 13/12/2007, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 6 tỷ được phát hành cho Beira Limited, nâng tổng số cổ phần của Beira Limited trong Công ty lên 800.000 cổ phần.

Tháng 3/2008

Nhà máy số 2 chính thức đi vào sản xuất sản phẩm bao bì mỏng chất lượng cao, cung cấp cho thị trường khoảng 700 tấn sản phẩm/tháng.



Tháng 9/2009

Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 700 tấn/tháng.

Tháng 4/2010

Ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 37.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành được hoàn tất vào ngày 15/05/2010.

Tháng 7/2010

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Ngành nghề kinh doanh

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì các loại; Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE); In và các dịch vụ quảng cáo trên bao bì; Xây dựng công trình dân dụng; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Mua bán hàng may mặc; Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Chuyên giao công nghệ; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải; Hoạt động thu gom, xử lý tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và các hoạt động quản lý chất thải khác; Sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

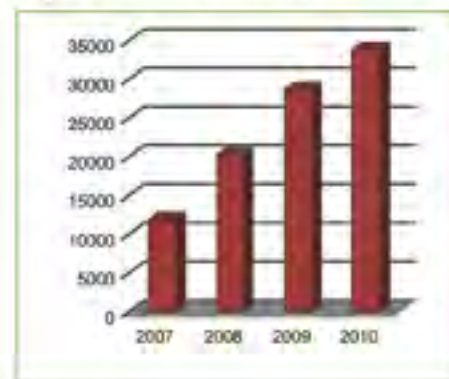
Tình hình hoạt động

Hiện An Phát có 3 nhà máy sản xuất: Nhà máy số 1 hoạt động trong lĩnh vực tái chế nhựa sản xuất túi bao gói thực phẩm, túi rác, màng nilon chuyên dùng trong nông nghiệp và sản xuất hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu. Công suất thiết kế của Nhà máy 1 khoảng 1.000 tấn/tháng, được xây dựng trên diện tích 10.000 m² tại Lô 8, Khu công nghiệp Nam Sách, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nhà máy số 2 được khởi công xây dựng vào tháng 5/2007 tại Cụm công nghiệp An Đông trên diện tích 19.967m² và bắt đầu đi vào hoạt động vào tháng 3/2008. Nhà máy 2 hàng tháng cung cấp cho thị trường khoảng 700 tấn sản phẩm bao bì màng chất lượng

cao. Trên đà phát triển của Công ty, tháng 9 năm 2009, An Phát chính thức đưa Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm có sản lượng hàng tháng quan trọng đánh dấu bước trưởng thành của An Phát. Đáng chú ý, cả ba nhà máy trên của An Phát đều có dây chuyền sản xuất được nhập khẩu từ Đài Loan, Singapore và Nhật Bản. Là một doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, Công ty hiện đã có được một vị trí vững chắc trong hoạt động kinh doanh, thiết lập được mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp với nhiều Công ty và tập đoàn nổi tiếng ở Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ, EU, ... Với khẩu hiệu **"Chia sẻ sự thịnh vượng"**, hơn 100 cán bộ, nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, cùng khoảng gần 1000 công nhân lành nghề của công ty đang phấn đấu nỗ lực hết mình, không ngừng cải thiện dây chuyền kỹ thuật, công nghệ sản xuất xứng đáng là Doanh nghiệp sản xuất bao bì và màng mỏng lớn

■ Công suất thiết kế (tấn/năm)



Biểu đồ Tăng trưởng công suất các nhà máy qua các năm

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh để thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước theo luật định; góp phần tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội khác; phấn đấu trở thành một doanh nghiệp xanh góp phần bảo vệ môi trường; thực hiện các mục tiêu về kinh tế - xã hội khác do Đảng và Nhà nước đề ra. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các định hướng phát triển như sau:

* Đẩy mạnh sản xuất

Nhằm hướng tới mục tiêu là Công ty sản xuất tái chế nhựa lớn nhất cả nước, hình thành Tập đoàn An Phát, Ban lãnh đạo Công ty đã và đang tiếp tục tìm hướng đầu tư để mở rộng sản xuất cũng như lĩnh vực hoạt động. Hiện Công ty đang triển khai các dự án sản xuất nhựa và phụ gia ngành nhựa tại Cụm Công nghiệp An Đông – Hải Dương, Khu công nghiệp Nam Yên Bái – Yên Bái, dự án tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ... bên cạnh việc tiếp tục nâng công suất của 3 nhà máy sản xuất đã có.

Các dự án đang triển khai của công ty gồm:

STT	Dự án	Sản phẩm chính	Công suất thiết kế (tấn/năm)
1	Sản xuất Hạt nhựa CaCo ₃	Hạt nhựa CaCo ₃	36.400
2	Nhà máy sản xuất tại Lào	Bao bì nhựa tự hủy, Hạt nhựa tự hủy, các sản phẩm khác cùng loại.	10.000
3	Mở rộng nhà máy sản xuất số 1	Bao bì nhựa	10.800
4	Mở rộng nhà máy sản xuất số 2	Bao bì nhựa	15.600

* Công nghệ tiên phong đảm bảo chất lượng tốt nhất

Song song với việc mở rộng sản xuất Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng đến việc đầu tư nâng cao chất lượng, đề ra mục tiêu đảm bảo chất lượng hàng đầu cho sản phẩm bao bì nhựa An Phát nhằm tạo uy tín với khách hàng cũng như nâng cao vị thế của Công ty.

Các dây chuyền công nghệ sản xuất của công ty thường xuyên được đổi mới và cải tiến. Bên cạnh đó, quá trình quản lý chất lượng có sự tham gia của tất cả các cấp, các bộ phận và nhân viên trong công ty từ Ban lãnh đạo đến sản xuất. Mỗi bộ phận phụ trách các chức năng và nhiệm vụ khác nhau nhưng đều tuân thủ thực hiện chung một quy trình quản lý. Các sản phẩm của công ty được kiểm soát chặt chẽ bởi bộ phận QC trong mọi công đoạn



từ trộn hạt đến đóng gói và bảo quản theo quy trình của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

* Hướng đến hình ảnh “công ty xanh” thân thiện với môi trường

Bảo vệ môi trường đã trở thành một vấn đề cấp bách trong chiến lược phát triển nền kinh tế - xã hội của các quốc gia, trở thành nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Trong chiến lược phát triển của mình, An Phát luôn định hướng phát triển sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường, thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

Bên cạnh hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 áp dụng từ khi mới đi vào hoạt động, công ty cho thực hiện xây dựng hệ thống ISO 14000 và SA 8000 để quản lý đồng bộ cả ba vấn đề: Chất lượng sản phẩm – Bảo vệ môi trường – Đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đây là một việc làm thể hiện trách nhiệm của An Phát đối với cộng đồng, đối với xã hội, tuân thủ nghiêm ngặt quy định: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai.

Tại cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 5/2008, Ban lãnh đạo An Phát đã quyết định thay đổi mục tiêu xây dựng công ty trở thành “công ty xanh” – thân thiện với môi trường. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công các sản phẩm “bao bì nhựa tự phân hủy”, sản phẩm

đã được người tiêu dùng đón nhận nồng nhiệt tại các thị trường châu Âu và Mỹ.

* Phát triển nguồn nhân lực

An Phát luôn xác định “Con người là điểm xuất phát cho mọi thành công” là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công vượt bậc cho công ty. Vì vậy, An Phát đã và đang có chính sách để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai, cụ thể:

- Xây dựng quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp nhằm tuyển dụng những nhân sự chất lượng cao, phù hợp với doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm, tinh hiệu quả của đội ngũ nhân lực hiện có nhất là của đội ngũ quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh và các chuyên viên phụ trách lĩnh vực quan trọng.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ kế cận và chính sách khích lệ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với chiến lược phát triển của công ty.

- Cải tiến chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi xã hội cho người lao động

Trong thực tiễn hoạt động những năm qua, Công ty đã nhiều lần mời các chuyên gia đào tạo trong lĩnh vực quản lý về trực tiếp giảng dạy tại doanh nghiệp, tiêu biểu như chương trình đào tạo của tổ chức IMPAC, chương trình đào tạo quản lý doanh nghiệp của tiến sĩ Nguyễn Tất Thịnh, chương trình đào tạo MBA cho các thành viên Hội đồng quản trị...



SẢN PHẨM ĐẶC TRUNG





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm thành viên Hội đồng quản trị đã tạo thành một khối thống nhất, đồng tâm, nhất trí trong các định hướng, chiến lược và các giải pháp phối kết hợp giúp thực hiện thành công mọi nhiệm vụ được phân công. Chúng tôi đánh giá công tác quản trị của Hội đồng Quản trị là có hiệu quả. Các thành viên nghiêm túc tham dự họp định kỳ, căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và họp bất thường theo tình hình thực tế và đòi hỏi của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mặc dù năm 2010 có rất nhiều khó khăn, nhưng với sức trẻ, niềm đam mê, định hướng đúng đắn và quyết tâm cao, Hội đồng Quản trị đã cùng Ban Điều hành, Lãnh đạo các phòng ban cùng toàn thể Cán bộ Công nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát vững vàng vượt qua thử thách, hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua với hơn 682 tỷ đồng doanh thu, đạt 136,44% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế 90 tỷ đồng, đạt 164,59% kế hoạch.

Với quyết tâm đưa An Phát trở thành một thương hiệu có uy tín trong ngành bao bì nhựa chất lượng cao, Hội đồng Quản trị đã tập trung nỗ lực hoàn thành việc đầu tư xây dựng và mở rộng nhà máy số 1, số 2, số 3, đưa vào vận hành, sản xuất, tạo được nguồn cung ổn định sản phẩm bao bì màng mỏng, bao bì tự hủy chất lượng cao cho thị trường. Nhà máy sản xuất CaCO₃ tại Yên Bái chính thức đi vào sản xuất từ tháng 10 năm 2010 đã khẳng định thêm hướng đi đúng đắn của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc chủ động nguồn nguyên liệu đa dạng hóa sản phẩm. Trong tương lai gần, khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt, dự án xây dựng Cụm Nhà máy sản xuất túi nhựa tự hủy, bột Tapaulin và Nhôm nhựa tại Cụm Công nghiệp An Đồng, Hải Dương, Công ty sẽ cung cấp ra thị trường mỗi năm khoảng 12.000 tấn bao bì nhựa, 20.000 tấn bột Tapaulin, 10.000 tấn nhôm nhựa. Dự án sẽ tạo công ăn việc làm cho khoảng 1.000 lao động.

Một nỗ lực lớn của Hội đồng Quản trị trong năm qua là việc phát hành thành công cổ phiếu tăng Vốn Điều lệ lên 99 tỷ đồng, hoàn tất thủ tục đăng ký và niêm yết toàn bộ 9.900.000 (chín triệu chín trăm ngàn) cổ phiếu của công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Từ ngày 15/7/2010, mã AAA của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã trở thành mã chứng khoán thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Năm 2011, sẽ là một năm tiếp tục có nhiều khó khăn với tình hình lạm phát gia tăng, giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất như nguyên liệu, xăng dầu, điện nước đều tăng, khả năng thiếu điện, lãi suất ngân hàng cao, tỷ giá ngoại tệ bất ổn đều là những thách thức to lớn đối với hoạt động sản xuất của Công ty. Chúng tôi thận trọng đặt kế hoạch phấn đấu cho năm 2011 là 814 tỷ đồng doanh thu, 88 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

Sự đồng thuận cao của Đại hội đồng cổ đông, sự ủng hộ của khách hàng, đối tác và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của toàn thể Cán bộ Công nhân viên Công ty sẽ là nguồn động lực và hỗ trợ quý báu giúp Hội đồng Quản trị hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch.


Trần trọng!
PHẠM ANH DƯƠNG
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I/ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:

Với định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc đã nhận định đúng tình hình, đề ra các biện pháp thực thi phù hợp, đạt kết quả như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Tăng trưởng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	682.199.861.377	385.587.576.799	76,92%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.731.214.888	83.597.557.873	123,37%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.464.947.3208	11.061.613.838	219,24%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	99.305.230.996	37.817.350.205	162,59%
Lợi nhuận khác	839.881.737	562.337.243	49,35%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.145.112.733	38.379.687.448	160,93%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.619.236.289	656.935.098	1364,26%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90.525.876.444	37.722.752.350	139,98%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.349	5.716	81,05%

Năm 2010 doanh thu toàn Công ty đạt hơn 682 tỷ đồng tăng trưởng 76,92% so với năm 2009. Doanh thu đến từ các mảng kinh doanh chính của Công ty và tập trung chủ yếu ở Doanh thu bán thành phẩm. Doanh thu bán thành phẩm có tốc độ tăng trưởng trên 90% so với năm 2009, thể hiện sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong các năm qua.

Tình hình doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Tăng Trưởng
Doanh thu bán hàng hoá	57.322.075.516	56.238.521.125	-1,89%
Doanh thu bán thành phẩm	328.235.271.737	625.961.340.252	90,71%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.229.546	-	-100,00%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.464.947.320	11.061.613.838	219,24%
Thu nhập khác	1.136.491.095	2.252.884.976	98,23%



Tình hình doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng Trưởng
Giá vốn hàng hoá	53.202.813.220	55.703.597.735	4.70%
Giá vốn thành phẩm	247.733.111.539	439.096.355.904	77.25%
Chi phí tài chính	21.006.638.482	34.300.289.130	63.28%
Chi phí bán hàng	15.548.791.097	42.201.187.209	171.41%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.689.725.409	21.986.121.391	73.26%
Chi phí khác	574.153.852	1.413.003.239	146.10%

Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2010 tăng cao so với năm 2009 phản ánh việc Công ty đẩy mạnh mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao công suất hoạt động và đẩy mạnh việc bán hàng giúp tăng trưởng doanh thu tốt so với năm 2009.

Các hoạt động khác

Hoạt động tài chính

Ban lãnh đạo Công ty thực hiện minh bạch hóa các hoạt động tài chính của Công ty, đồng thời tích cực tìm kiếm kênh đầu tư nhằm sử dụng nguồn vốn của các cổ đông và nhà đầu tư có hiệu quả. Ban Tổng giám đốc và bộ phận kế toán - tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát.

Đầu tư phát triển

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tích cực xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện việc xây dựng nhà máy sản xuất CaCO₃ tại Yên Bái hoàn thành đúng tiến độ.

Xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất số 1 và số 2 nâng công suất của 2 nhà máy sau mở rộng đạt lần lượt là 900 và 1.300 tấn sản phẩm/tháng.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện nhà máy sản xuất số 3 đạt 700 tấn sản phẩm/tháng với mặt hàng chủ lực là bao bì nhựa tự phân hủy cao cấp dành cho xuất khẩu.

Các hoạt động quản trị nội bộ

Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ cùng như chỉ đạo sát sao các lãnh đạo nhà máy và phòng chức năng để đôn đốc kế hoạch sản xuất, đáp ứng nhu cầu bán hàng kết hợp hài hòa giữa đơn đặt hàng của khách và năng lực sản xuất của nhà máy nhằm đảm bảo nguồn hàng cung cấp ra thị trường không bị ngưng trệ.

Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo Phòng QC phối hợp cùng Trung tâm kinh doanh nghiên cứu các mặt hàng mới, phát triển đa dạng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà phân phối.

Với sự nỗ lực hết mình của Trung tâm kinh doanh, thị trường trong và ngoài nước của Công ty không ngừng được mở rộng. Tổng kết 2010 với 85% sản phẩm làm ra được xuất khẩu thực sự là niềm khích lệ lớn đối với Công ty.

II/ NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ TÒN TẠI NĂM 2010:

Việc đầu tư xây dựng và mở rộng các nhà máy của Công ty nên nguồn tài chính quay vòng cho các hoạt động đầu tư và mua nguyên liệu sản xuất gặp nhiều khó khăn, vấn đề này được giải quyết sau khi phát hành thành công 3.300.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng trong tháng 5 năm 2010.

Giá nguyên liệu không ổn định dẫn đến giá thành của sản phẩm tăng cao gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ.

Thị trường xuất khẩu trong năm chưa ổn định, các nước có nền kinh tế phát triển cao còn e ngại trong việc nhập khẩu sản phẩm từ châu Á.

Sự phát triển quá nhanh của công ty trong khi nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình quản lý của Ban Tổng giám đốc.

III/ KẾ HOẠCH NĂM 2011

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011
Sản lượng sản xuất (tấn/năm)	26.400
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	814.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	88.000.000.000
Thu nhập bình quân (đồng/người)	3.500.000

Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện xây dựng nhà máy sản xuất CaCO₃ tại Yên Bái. Thực hiện xin cấp phép dự án Cụm nhà máy sản xuất nhựa, nhôm nhựa, bạt Tapaulin tại An Đông. Xây dựng dự án nhà máy sản xuất bao bì tại Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào. Tích cực nghiên cứu sản phẩm mới và cải tiến máy móc thiết bị. Nâng cao chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công nhân viên có tâm huyết. Tích cực thực hiện các hoạt động hướng tới hình ảnh "Công ty Xanh – Thân thiện với Môi trường" " Công ty điển hình về thực hiện trách nhiệm xã hội".


PHẠM ANH DƯƠNG
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	2009	2010
Hệ số LNST/DTT	9,81%	13,28%
Hệ số LNST (Vốn chủ sở hữu)	31,17%	40,79%
Hệ số LNST/Tổng tài sản	8,64%	16,81%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	9,83%	16,06%

- Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2009	2010
Khả năng thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	0,98	1,2
Khả năng thanh toán nhanh: (TSNH- HTK)/ Nợ ngắn hạn	0,72	0,82

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

$$\text{Giá trị sổ sách của một cổ phần} = \frac{\text{VCSH- Lợi ích của cổ đông thiểu số}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách của một cổ phần} = \frac{322.839.338.782}{9.900.000} = 32.610 \text{ đồng}$$

THAY ĐỔI VỀ VỐN CỔ PHẦN

Thực hiện Nghị quyết số 17/04/2010/NQ-ĐHĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Trong năm Công ty đã hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ từ 66 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng.

Chi tiết đợt phát hành như sau

* Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

* Giá phát hành: 37.000 đồng/cổ phiếu

* Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1. Có 37 cổ đông hiện hữu đăng ký mua tổng số 2.342.300 cổ phần.

* 957.700 cổ phiếu còn lại, HĐQT đã có quyết định phân phối cho 19 nhà đầu tư mới và 4 cổ đông hiện hữu.

Kết thúc đợt phát hành vào ngày 14/5/2010 tổng số cổ phần của Công ty là 9.900.000 cổ phiếu phổ thông và không có cổ phần ưu đãi.

Ngoài ra, Thực hiện theo Quyết định số 0101/2009/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 1 năm 2009 của Hội đồng quản trị về thông qua phương án phát hành và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu. Ngày 13/04/2009, Công ty đã thực hiện huy động 54.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 54 tỷ trái phiếu chuyển đổi có thể mua lại. Chi tiết về Trái phiếu chuyển đổi này như sau:

Tên trái phiếu:	Trái phiếu chuyển đổi An Phát
Loại trái phiếu:	Trái phiếu chuyển đổi
Đồng tiền phát hành:	Đồng Việt Nam (VND)
Mệnh giá trái phiếu:	1.000.000 VND/Trái phiếu
Khối lượng phát hành:	Tám lăm (85) tỷ VND mệnh giá
Lãi suất	Không quá 8,5%/năm, trả sau hàng năm
Giá bán trái phiếu:	Bằng mệnh giá
Hình thức trái phiếu:	Ghi sổ
Thời hạn trái phiếu:	Tối đa bốn năm kể từ ngày phát hành
Giá chuyển đổi:	Không thấp hơn 35.000 đồng/cổ phiếu (được điều chỉnh khi phát sinh hiệu ứng pha loãng)

Vào quý II/2010, sau khi tiếp nhận Thông báo đề nghị mua lại trái phiếu chuyển đổi trước kỳ hạn với tổng mệnh giá trái phiếu là 54.000.000.000 đồng theo cam kết của công ty tại Hợp đồng đặt mua Trái phiếu chuyển đổi ký ngày 13/4/2009, giá đề xuất mua lại đúng bằng mệnh giá phát hành; Xét thấy đây là cơ hội tốt để cơ cấu lại nguồn vốn của công ty trong điều kiện công ty có thể phát hành tăng vốn đồng thời loại bỏ được áp lực pha loãng giá cổ phiếu trên thị trường; Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ra nghị quyết số 231101/2010/NQ-HĐQT trong đó quyết nghị mua lại toàn bộ số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành với tổng giá mua là 54.000.000.000 đồng, nguồn vốn để mua lại số trái phiếu này sẽ được lấy từ đợt phát hành tăng vốn lên 198 tỷ thành công. Ngày 28/2/2011 Công ty đã tiến hành xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản và được Đại hội đồng cổ đông qua việc sử dụng 54 tỷ đồng trong kế hoạch tăng vốn Điều lệ của công ty từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng để mua lại 54 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi này (theo Nghị quyết số 290301/2011/NQ-HĐCĐ ngày 29/3/2011). Dự kiến việc mua lại này sẽ hoàn tất ngay sau khi kết thúc đợt phát hành tăng vốn lên 198 tỷ đồng (dự kiến quý II/2011).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Vũ Cao Thăng	Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 17/4/2010)
4. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị
6. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 17/4/2010)

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Phạm Ánh Dương	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- * Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- * Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- * Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



PHẠM ÁNH DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2011

Số: /2011/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 22 tháng 2 năm 2011 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 23 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



KHỨC ĐÌNH DUNG

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

PHẠM TIÊN DŨNG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

Ngày 14 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.749.388.693	182.826.255.765
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.718.394.214	37.821.764.375
1. Tiền	111	5.1	19.718.394.214	37.821.764.375
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.867.429.476	84.576.400.271
1. Phải thu khách hàng	131		75.961.500.386	47.669.097.498
2. Trả trước cho người bán	132		57.395.577.749	35.853.593.761
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	2.603.661.687	1.122.735.144
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.310.346)	(69.026.132)
IV. Hàng tồn kho	140		78.835.177.452	48.690.499.468
1. Hàng tồn kho	141	5.3	78.835.177.452	48.690.499.468
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.328.387.551	11.737.591.651
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.026.520.178	3.677.305.857
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.746.622.370	489.001.160
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	-	636.336.437
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	6.555.245.003	6.934.948.197
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		389.223.315.134	253.024.570.063
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		298.835.475.153	210.278.501.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	271.593.868.678	202.398.726.706
- Nguyên giá	222		318.758.442.607	224.354.028.764
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.164.573.929)	(21.955.302.058)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	7.553.624.657	7.879.775.118
- Nguyên giá	228		8.158.030.564	8.158.030.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(604.405.907)	(278.255.446)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	19.687.981.818	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		84.890.787.183	39.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	74.280.000.000	39.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	10.610.787.183	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.497.052.798	3.746.068.239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.497.052.798	3.746.068.239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		640.972.703.827	435.850.825.828

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY

(Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ	300		318.133.365.045	314.823.883.480
I. Nợ ngắn hạn	310		209.885.960.420	187.535.370.022
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	146.974.824.132	143.428.258.206
2. Phải trả người bán	312		47.751.088.564	28.231.006.562
3. Người mua trả tiền trước	313		2.938.565.775	4.815.756.714
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	3.439.284.836	88.650.896
5. Phải trả người lao động	315		2.501.202.392	1.934.603.170
6. Chi phí phải trả	316		1.530.000.000	4.320.000.000
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	4.494.693.722	4.136.356.492
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		256.300.999	580.737.982
II. Nợ dài hạn	330		108.247.404.625	127.288.513.458
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	108.151.401.407	127.188.734.740
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		96.003.218	99.778.718
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		322.839.338.782	121.026.942.348
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	322.839.338.782	121.026.942.348
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.000.000.000	66.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		107.100.000.000	18.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		261.744.862	(1.802.432.110)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.580.392.451	694.254.833
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.458.966.203	747.601.940
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.579.785	(335.234.665)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		111.435.655.481	37.722.752.350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		640.972.703.827	435.850.825.828



PHẠM ÁNH DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Handwritten signature

HÒA THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	682.199.861.377	385.587.576.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	668.692.850	1.054.094.167
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	6.1	681.531.168.527	384.533.482.632
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	494.799.953.639	300.935.924.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		186.731.214.888	83.597.557.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.061.613.838	3.464.947.320
7. Chi phí tài chính	22	6.4	34.300.289.130	21.006.638.482
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.323.421.252	17.140.935.824
8. Chi phí bán hàng	24		42.201.187.209	15.548.791.097
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.986.121.391	12.689.725.409
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		99.305.230.996	37.817.350.205
11. Thu nhập khác	31		2.252.884.976	1.136.491.095
12. Chi phí khác	32		1.413.003.239	574.153.852
13. Lợi nhuận khác	40		839.881.737	562.337.243
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100.145.112.733	38.379.687.448
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	9.619.236.289	656.935.098
17. Lợi nhuận sau thuế	60		90.525.876.444	37.722.752.350
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	10.349	5.716



PHẠM ÁNH DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Handwritten signature

HÒA THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	100.145.112.733	38.379.687.448
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	25.535.422.332	12.603.827.706
- Các khoản dự phòng	03	24.284.214	69.026.132
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	1.752.740.795
- Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(610.787.183)	-
- Chi phí lãi vay	06	23.323.421.252	17.140.935.824
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	148.417.453.348	69.946.217.905
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(51.266.744.991)	6.767.272.177
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(30.144.677.984)	(8.712.871.272)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	22.071.469.915	11.809.270.591
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(100.198.880)	(2.607.466.183)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(22.983.421.252)	(17.140.935.824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.243.765.756)	(1.293.271.535)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.610.879.348	37.554.819
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(36.258.052.675)	(6.476.160.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.102.941.073	52.329.610.164
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(104.103.010.532)	(75.873.978.311)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	299.472.727	722.057.233
3. Tiền chi cho vay	23	(10.000.000.000)	(24.599.332.300)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	24.599.332.300
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.280.000.000)	(39.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	(527.916.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(149.083.537.805)	(114.679.837.745)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	122.100.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	449.615.965.660	532.556.338.122
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(461.904.215.501)	(423.229.521.632)
6. Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.939.725.272)	(12.885.986.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	103.872.024.887	96.440.829.864
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(18.108.571.845)	34.090.602.283
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	37.821.764.375	3.681.470.777
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.201.684	49.691.315
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	19.718.394.214	37.821.764.375



PHẠM ÁNH DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Handwritten signature

HÒA THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng
Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2011





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 21 tháng 5 năm 2010.

Công ty có tên giao dịch: *An phat plastic and green environment joint stock company*, tên viết tắt là *Anphat., Jsc*.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số BT25B D3 A4, Khu Biệt thự Vườn Đào, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 5 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 99.000.000.000 đồng (Chín mươi chín tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- * Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- * Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- * In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- * Xây dựng công trình dân dụng;
- * Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- * Kinh doanh bất động sản;
- * Mua bán hàng may mặc;
- * Mua bán vật liệu xây dựng;
- * Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- * Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- * Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- * Hoạt động thu gom, xử lý tiêu hủy rác thải;
- * Tái chế phế liệu; và
- * Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ký kế toán

Ký kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:



Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lấy năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	5
Tài sản khác	3

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại

	SỐ NĂM
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Phần mềm máy vi tính	3

các tài khoản này được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quy định hiện hành của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được miễn thuế thu nhập đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 3 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1 và Nhà máy số 2. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động thương mại và hoạt động khác là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	143.599.759	149.991.386
Tiền gửi ngân hàng	19.574.794.455	37.671.772.989
Cộng	19.718.394.214	37.821.764.375

5.2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Nhựa và khoáng sản An Phát - Yên Bái	100.781.779	-
Phải thu khác	2.502.879.908	1.122.735.144
Cộng	2.603.661.687	1.122.735.144

5.3. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.945.189.921	21.557.972.945
Công cụ, dụng cụ	5.136.143.194	4.450.204.147
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.233.688.615	6.192.345.447
Thành phẩm	31.519.770.884	16.489.619.813
Hàng gửi đi bán	384.838	357.116
Cộng	78.835.177.452	48.690.499.468

5.4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	636.336.437
Cộng	-	636.336.437

5.5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	196.662.380	277.305.023
Tạm ứng	3.531.677.975	6.448.841.331
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.826.904.648	208.801.843
Cộng	6.555.245.003	6.934.948.197

5.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2010	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2010	241.603.479	36.651.967	278.255.446
Khấu hao trong kỳ	313.177.464	12.972.997	326.150.461
Số dư tại ngày 31/12/2010	554.780.943	49.624.964	604.405.907
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2010	7.851.041.425	28.733.693	7.879.775.118
Số dư tại ngày 31/12/2010	7.537.863.961	15.760.696	7.553.624.657



5.7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm		Tài sản khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ														
Số dư tại ngày 01/01/2010	48.810.439.161	1.674.412.893.983	6.701.268.017	920.754.603	508.673.000	-	-	-	-	-	-	-	224.354.028.764	
Mua trong kỳ	832.437.104	64.988.544.885	20.144.242.934	436.776.300	10.686.810.000	-	-	-	-	-	-	-	97.101.686.223	
Thanh lý, nhượng bán	49.000.000	1.365.092.380	405.880.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.819.972.380	
Giảm khác	877.300.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	877.300.000	
Số dư tại ngày 31/12/2010	48.716.576.265	231.036.346.488	26.439.630.951	1.357.530.903	11.195.483.000	-	-	-	-	-	-	-	318.758.442.607	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ														
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.538.317.885	18.414.403.779	1.869.468.037	119.463.619	13.648.738	-	-	-	-	-	-	-	21.955.302.058	
Khấu hao trong kỳ	3.093.653.768	21.201.451.000	1.537.726.208	228.633.380	157.881.077	-	-	-	-	-	-	-	26.226.600.489	
Thanh lý, nhượng bán	20.756.356	547.289.531	393.757.185	55.525.546	-	-	-	-	-	-	-	-	1.017.328.618	
Số dư tại ngày 31/12/2010	4.611.215.297	39.068.565.248	3.013.437.060	292.571.453	171.529.815	-	-	-	-	-	-	-	47.164.573.929	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI														
Tại ngày 01/01/2010	47.272.121.276	148.998.490.204	4.831.799.980	801.290.984	495.024.262	-	-	-	-	-	-	-	202.398.726.706	
Tại ngày 31/12/2010	44.105.360.968	191.967.781.240	23.426.193.891	1.064.959.450	11.023.953.185	-	-	-	-	-	-	-	271.593.868.678	

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 271.593.868.678 đồng.



5.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Mở rộng quy mô nhà máy số 1 và 2

Cộng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Mở rộng quy mô nhà máy số 1 và 2	19.687.981.818	-
Cộng	19.687.981.818	-

5.9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đây là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty con") theo quyết định số 0109/2009/NQ-HDQT ngày 5/9/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát góp vốn 74.280.000.000 đồng trong tổng số 75.280.000.000 đồng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, tỷ lệ góp vốn là 98,67%. Công ty con được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế công ty cổ phần số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 1/10/2009. Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải.

5.10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Cho vay cá nhân

Cộng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cho vay cá nhân	10.610.787.183	-
Cộng	10.610.787.183	-

5.11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)

Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)

Ngân hàng Quân đội - SGD Hà Nội

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt

Nam (iii)

Cộng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	104.687.669.885	100.436.251.616
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)	26.855.965.027	15.292.006.590
Ngân hàng Quân đội - SGD Hà Nội	-	27.700.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam (iii)	15.431.189.220	-
Cộng	146.974.824.132	143.428.258.206

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 4.515.305,00 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 19.203.915.625 đồng.

(ii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 632.488,60 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 14.881.690.852 đồng.

(iii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 815.085,00 USD.

5.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Các loại thuế khác

Cộng

	31/12/2010 VND	1/1/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.393.557.466	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.727.370	61.809.146
Các loại thuế khác	-	26.841.750
Cộng	3.439.284.836	88.650.896

5.13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	23.365.887	21.363.482
Bảo hiểm xã hội	80.676.262	30.627.165
Bảo hiểm thất nghiệp	-	45.734.719
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	738.742	-
Cổ tức phải trả	315.708.572	594.756.594
Có tức phải trả	3.675.230.756	3.014.956.028
Phải trả, phải nộp khác	398.973.503	428.918.504
Cộng	4.494.693.722	4.136.356.492

5.15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển		
Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	6.148.734.740	13.188.734.740
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (ii)	48.002.666.667	60.000.000.000
Trái phiếu phát hành (iii)	54.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	108.151.401.407	127.188.734.740

(i) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, lãi suất của các khoản vay này khoảng 13,78%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.

(ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, lãi suất của các khoản vay này khoảng 16,5%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.

Các khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty.

(iii) Thực hiện theo Quyết định số 0101/2009/QĐ-HDQT ngày 8 tháng 1 năm 2009 của Hội đồng quản trị về thông qua phương án phát hành và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu. Ngày 13 tháng 04 năm 2009, Công ty đã thực hiện huy động 54.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 54 trái phiếu chuyên đổi có thể mua lại với mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu với kỳ hạn 3 năm và có thể gia hạn thêm 1 năm, lãi suất trái phiếu là 8,5%/năm.



5.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 1/1/2009	66.000.000.000	18.000.000.000	-	-	-	(9.762.969)	19.091.445.525	103.081.682.556
Lãi năm trước	-	-	-	-	-	-	37.722.752.350	37.722.752.350
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.143.732.333	1.143.732.333	1.143.732.333	(6.862.393.997)	(3.431.196.998)
Chia cổ tức	-	-	-	(449.477.500)	(396.130.393)	(226.209.400)	(9.214.095.500)	(9.214.095.500)
Chí niên quỹ	-	-	-	-	-	(1.242.994.629)	-	(2.088.602.522)
Giảm khác	-	-	(1.802.432.110)	694.254.833	747.601.940	(335.234.665)	(3.014.956.028)	(5.043.597.538)
Số dư tại 31/12/2009	66.000.000.000	18.000.000.000	(1.802.432.110)	694.254.833	747.601.940	(335.234.665)	37.722.752.350	121.026.942.348
Tăng vốn trong năm	33.000.000.000	89.100.000.000	-	-	-	-	-	122.100.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	90.525.876.444	90.525.876.444
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	1.886.137.618	1.886.137.618	1.886.137.618	(9.430.688.087)	(3.772.275.235)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(1.257.203.126)	(1.257.203.126)	(5.080.574.792)	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Tăng khác	-	-	2.064.176.972	1.257.203.126	1.378.629.374	3.532.251.624	-	8.232.261.096
Chí niên quỹ	-	-	-	(1.257.203.126)	(1.553.402.729)	(5.080.574.792)	-	(7.891.180.647)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(782.285.226)	(782.285.226)
Số dư tại 31/12/2010	99.000.000.000	107.100.000.000	261.744.862	2.580.392.451	2.458.966.203	2.579.785	111.435.655.481	322.839.338.782

(i) Phân chia lợi nhuận của năm 2009 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 0104/2010/BB-DHĐ ngày 17 tháng 4 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận cho các quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển là 5%, riêng quỹ khen thưởng là 10% lợi nhuận năm 2009. Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu là 6.600.000.000 đồng.



CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	99.000.000.000	66.000.000.000
Cộng	99.000.000.000	66.000.000.000

CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	66.000.000.000	66.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	33.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	99.000.000.000	66.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.600.000.000	-

CÓ PHIẾU

	31/12/2010 Số cổ phiếu	01/01/2010 Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.900.000	6.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.900.000	6.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.900.000	6.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	6.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.900.000	6.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa	56.238.521.125	57.322.075.516
Doanh thu bán các thành phẩm	625.961.340.252	328.235.271.737
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	30.229.546
Cộng	682.199.861.377	385.587.576.799

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	668.692.850	1.054.094.167
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	427.201.590	275.337.234
- Hàng bán bị trả lại	241.491.260	778.756.933

6.2. GIÁ VỐN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng hóa	55,703,597,735	53,202,813,220
Giá vốn của thành phẩm	439,096,355,904	247,733,111,539
Cộng	494,799,953,639	300,935,924,759

6.3. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	716.397.308	698.820.225
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.345.216.530	2.759.283.407
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.843.688
Cộng	11.061.613.838	3.464.947.320

6.4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	23.323.421.252	17.140.935.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.976.867.878	3.865.702.658
Cộng	34.300.289.130	21.006.638.482

6.5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi kế toán trước thuế	100,145,112,733	38,379,687,448
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	1,379,301,421	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	101,524,414,154	38,379,687,448
Thu nhập đang được miễn thuế	56,629,576,947	38,379,687,448
Thu nhập chịu thuế của Nhà máy số 1 và số 2	12,835,784,099	-
Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	32,059,053,108	1,937,716,374
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tỷ lệ thuế được giảm của Nhà máy số 1 và số 2	50%	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	9,619,236,289	484,429,093
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	172,506,005
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9,619,236,289	656,935,098

6.6. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90,525,876,444	37,722,752,350
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90,525,876,444	37,722,752,350
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	8,747,324	6,600,000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	10,349	5,716
Mệnh giá cổ phiếu	10,000	10,000

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. THÔNG TIN VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hưởng trong năm 2010 như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị	324,000,000	288,000,000
Lương và phụ cấp của Ban Giám đốc	960,000,000	228,000,000
Lương và phụ cấp của Ban Kiểm soát	120,000,000	120,000,000

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2010 như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	2,216,466,481	-
Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	2,216,466,481	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	1,134,272,703	-
Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	1,134,272,703	-

Số dư với các bên liên quan:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Phải thu	13,194,103,762	-
Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	2,583,316,579	-
Phải trả	847,631,792	-
Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	847,631,792	-

7.2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7.3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu của kỳ này.



PHẠM ÁNH DƯƠNG
Tổng Giám đốc

HÒA THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng

Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2011



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Một số hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và của Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, tiến hành các cuộc họp định kỳ, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi email, thực hiện một số công việc để đảm bảo lợi ích của cổ đông công ty, bao gồm:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán, quản lý doanh thu, chi phí thông qua việc kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý và cả năm; tham gia vào công tác kiểm kê định kỳ theo kế hoạch của Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản, tuân thủ Điều lệ Công ty.
- Tham gia họp cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đưa ra các kiến nghị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- Yêu cầu HĐQT họp báo cáo tình hình khi có phát sinh tin đồn về hoạt động của Ban Điều hành. Độc lập kiểm tra và ra kết luận về các vụ việc phát sinh, kiến nghị thực hiện các hoạt động nhằm làm rõ sự việc, nhanh chóng giải đáp thắc mắc cho cổ đông và nhà đầu tư.

Qua kiểm tra các hoạt động tài chính, Ban kiểm soát thấy về cơ bản Công ty đã chấp hành đúng chế độ chứng từ theo quy định về chế độ kế toán và tuân thủ quy trình, nghiệp vụ của Công ty. Ban kiểm soát đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của báo cáo tài chính năm 2010.

Trong năm 2010, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cũng như thực hiện các hoạt động giám sát khác và không nhận thấy bất cứ hoạt động bất thường nào về tình hình tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty với tổng doanh thu cả năm 2010 là 682.199.861.377 đồng đạt 124,04% kế hoạch (550.000.000.000 đồng), lợi nhuận sau thuế đạt 90.525.876.444 đạt 169,54% kế hoạch (55.000.000.000 đồng). Đây là một năm Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh vượt trội so với các năm trước, có được kết quả này là một nỗ lực rất cao của các thành viên Ban điều hành cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

Ban Kiểm soát đánh giá cao việc đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất số 1 và số 2 của Công ty. Đây là một hoạt động quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty nhằm phát triển sản phẩm, tiết kiệm chi phí tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong thời điểm nền kinh tế Việt Nam và thế giới còn nhiều khó khăn.

3. Kết quả giám sát Công bố thông tin

Ban kiểm soát nhận thấy, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 09/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2010. Tuy nhiên do môi trường thực hiện việc niêm yết, nên Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có một số thiếu sót khi thực hiện công bố chậm Báo cáo tài chính Quý II/năm 2010, Nghị quyết số 0110/2010/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty được phê duyệt bằng văn bản.

Đồng thời vào cuối tháng 9 và tháng 10 năm 2010, trên thị trường chứng khoán Việt Nam xuất hiện một số tin đồn về việc Hội đồng quản trị bán tháo cổ phiếu, bán toàn bộ Công ty, kết hợp với một số Công ty như Công ty TNHH Đầu tư FC, Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Sơn... để thao túng giá cổ phiếu. Ban kiểm soát đã yêu cầu Hội đồng quản trị giải trình vấn đề này và thực hiện kiểm tra thủ tục niêm yết của Công ty. Sau khi thực hiện kiểm tra, Ban kiểm soát không nhận thấy bất cứ sai sót nào trong quá trình nộp hồ sơ, cũng như không có việc Hội đồng quản trị bán tháo và thao túng giá cổ phiếu.

Để đình chính các tin đồn tránh ảnh hưởng không tốt tới hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đã đề nghị Hội đồng quản trị thực hiện việc đình chính thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, gặp gỡ báo chí để giải đáp các thắc mắc có liên quan nhằm làm rõ sự việc.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2011:

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác giám sát, kiểm tra để kịp thời đưa ra các kiến nghị trong phạm vi thẩm quyền của mình nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ công ty, trong đó chú trọng thực hiện:

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trong Công ty

5. Kiến nghị của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Năm 2011 được dự báo là một năm khó khăn cho các Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đề nghị HĐQT, Ban Điều hành nỗ lực hơn nữa, đảm bảo thực hiện thành công và vượt mức kế hoạch đề ra, chăm lo tốt hơn đến đời sống của Cán bộ Công nhân viên, có chế độ thưởng tốt để khuyến khích tinh thần chủ động, sáng tạo trong công việc của từng thành viên trong Công ty.

Ban kiểm soát xin cảm ơn và mong muốn tiếp tục nhận được sự hợp tác của HĐQT, Ban Điều hành và các phòng ban chức năng trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Lê Thái Hưng





QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh, An Phát đặc biệt coi trọng trách nhiệm với xã hội, thực hiện đa dạng các hoạt động dành cho cộng đồng và các sự kiện quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới quá trình phát triển của công ty.

Công ty đã kết hợp tốt trách nhiệm xã hội với mục tiêu hoạt động của mình là: “không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh để thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo luật định; góp phần tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội khác; phấn đấu trở thành một doanh nghiệp xanh góp phần bảo vệ môi trường; thực hiện các mục tiêu về kinh tế - xã hội khác do Đảng và Nhà nước đề ra” (trích Điều lệ công ty). Vì vậy song song với việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các phòng chức năng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình.

Năm 2010, là năm Việt Nam và thế giới xảy ra nhiều thiên tai gây tổn thất lớn về người và của. Sau trận lũ kinh hoàng tại miền Trung, Công ty đã ủng hộ đồng bào số tiền 160 triệu đồng, mới đây nhất, cảm thông sâu sắc và chia sẻ khó khăn với nạn nhân trong thảm họa sóng thần ở Nhật Bản, Ban lãnh đạo công ty đã quyết định ủng hộ số tiền gần 500 triệu đồng. Từ năm 2010, Công ty đã thành lập Quỹ khuyến học mang tên “Quỹ hỗ trợ tài năng phát triển giáo dục An Phát”, hàng

năm trao phần thưởng cho các cháu học sinh giỏi trên địa bàn huyện Nam Sách với kinh phí 100 triệu đồng. Công ty đã tặng 03 công trình nước sạch cho các hộ nghèo tại tỉnh Hải Dương cùng nhiều hoạt động từ thiện có ý nghĩa khác.

Để khuyến khích cán bộ công nhân viên hăng say làm việc Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện nhiều chương trình khuyến khích sản xuất như: chương trình “Cá nhân xuất sắc” với phần thưởng là xe máy, ti vi, tủ lạnh được trao 6 tháng/lần. Từ khi phát động chương trình đến nay đã có nhiều cá nhân xuất sắc đạt giải tiêu biểu như: anh Mạc Văn Sơn, anh Vũ Xuân Kiên, – Nhà máy sản xuất số 1, anh Nguyễn Tiến Thuận, anh Dương Ngọc Hân, – Nhà máy sản xuất số 2, anh Trần Văn Hòa, anh Vũ Phúc Vàng, chị Hoàng Thị Tin – Nhà máy sản xuất số 3...

Cũng nằm trong các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của mình, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban lãnh đạo công ty phối hợp với các cơ quan chức năng thành lập Chi bộ Đảng Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát với số Đảng viên hiện tại là 15 Đảng viên, phấn đấu đến năm 2012 sẽ thành lập Đảng bộ công ty. Song song, với đó là các hoạt động sôi nổi của Công Đoàn và Hội liên hiệp thanh niên Công ty.

Tất cả các hoạt động trên của An Phát là nỗ lực từ ý thức mong muốn góp phần tạo nên những giá trị hữu ích và những điều tốt đẹp nhất cho xã hội và cộng đồng. Chính những giá trị đó đã góp phần giúp An Phát khẳng định và nâng cao uy tín hình ảnh và thương hiệu trên thị trường cũng như trong xã hội.

Là một trong những nhà sản xuất và tái chế nhựa lớn, thành viên Hiệp hội nhựa Việt Nam, thành viên của Hiệp hội những nhà sản xuất lớn Quốc tế (APS), An Phát đã và đang khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của An Phát luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín. Vào tháng 3/2007, tổ chức Quacert đã chính thức trao chứng chỉ ISO 9001:2000, công nhận sản phẩm An Phát là sản phẩm chất lượng, uy tín trên thị trường.

Trong suốt quá trình kinh doanh, An Phát đã nhận được nhiều bằng khen của Nhà nước như: Giải thưởng Doanh nhân tâm tài, Giải thưởng nhà quản lý giỏi, Giải thưởng Doanh nhân, Doanh nghiệp tiêu biểu vàng 2007, Thương hiệu mạnh, Doanh nghiệp hội nhập và phát triển, Huy chương vàng EXPRO 2007, 2008...

09/09/2007

Tổng liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng danh hiệu “NHÀ QUẢN LÝ GIỎI 2007” cho ông Phạm Ánh Dương (chủ tịch HĐQT).

23/03/2008

Tổng Công ty cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát vinh dự nhận Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” do Đảng Cộng sản Việt Nam trao tặng

19/10/2008

An Phát nhận cúp vàng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” và “Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam”.

16/04/2008

An Phát vinh dự nhận 02 Cúp vàng cho cá nhân, Tổng Giám đốc Nguyễn Đức Dũng và tập thể Công ty với danh hiệu “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam vàng 2007” do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ tổ chức

11/10/2009

An Phát nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” – Lần thứ 2

02/09/2009

Công ty Cổ Phần Nhựa Và Bao Bì An Phát đón nhận danh hiệu Sao Vàng Đất Việt do Ủy Ban Trung Ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng.

GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC



Ông Phạm Ánh Dương nhận “Cúp Vàng ISO 2007”



Ông Phạm Ánh Dương (CTHDQT) nhận Cúp “Nhà Quản Lý Giỏi 2007”



Cúp “Doanh nghiệp hội nhập & phát triển”

Giấy chứng nhận



MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG KHÁC



Bảng khen của Ủy ban hợp tác quốc tế



Cúp vàng "Doanh Nhân Tâm Tài"



Cúp vàng "Thương hiệu và Nhân hiệu"



Giấy chứng nhận Thương hiệu Mạnh



Cúp thương hiệu Mạnh



Cúp sản phẩm dịch vụ xuất sắc năm 2009

CÁC CÔNG TY CỔ LIÊN QUAN

CÔNG TY CON:

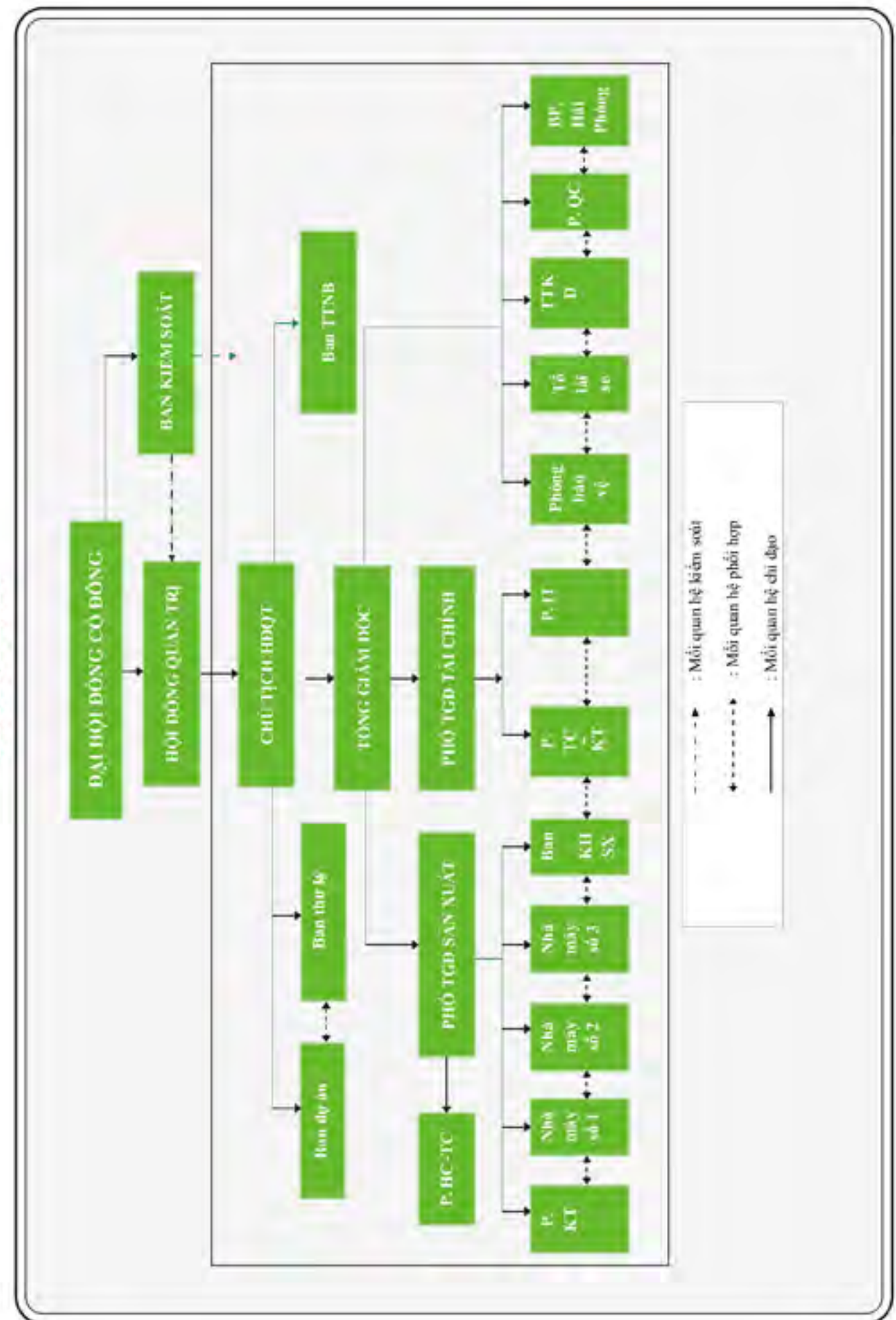
- Tên Công ty: Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
- Tên nước ngoài: An Phat – Yen Bai Mineral & Plastic Joint Stock Company
- Tên viết tắt: AnphatYenbai M&P., JSC
- Trụ sở chính: Khu CN Nam Yên Bái, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

- Ngành nghề kinh doanh: dựa vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 01 năm 2009, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Khai thác đá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; mua bán vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì các loại; Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ và các hoạt động khác.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đóng góp 79.000.000.000 đồng, chiếm 98,75% vốn điều lệ.

- Tình hình hoạt động của công ty An phát – Yên Bái : Nhà máy sản xuất CaCO₃ đã chính thức đưa dây chuyền đầu tiên vận hành từ tháng 10 năm 2010 với công suất hàng tháng đạt 250 tấn/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dây chuyền còn lại, nâng công suất của nhà máy đạt 36.400 tấn/năm, đồng thời thực hiện thủ tục xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TT	Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm
1	Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 3 năm 2007
2	Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 3 năm 2007
3	Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 2 năm 2010
4	Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 1 năm 2010
4	Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 4 năm 2010

1. ÔNG PHẠM ÁNH DƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Ông Phạm Ánh Dương là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, là người đầu tiên tham gia thành lập và gây dựng Công ty. Ông có 14 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, trong đó có trên 10 năm làm việc trong vai trò lãnh đạo Công ty. Sau hơn 10 năm lại việc tại vị trí CEO của An Phát, ông Dương đã được tặng nhiều bằng khen và danh hiệu cao quý dành cho những gương mặt CEO xuất sắc.

2. ÔNG PHẠM HOÀNG VIỆT

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hoàng Việt là Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh. Ông là người tham gia thành lập Công ty TNHH Anh Hai Duy và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty từ ngày thành lập Công ty Cổ phần. Sau gần 5 năm tham gia điều hành Công ty với vai trò là Ủy viên Hội đồng quản trị ông Việt đã đóng góp nhiều công sức để gây dựng lên một thương hiệu An phát như ngày nay.

3. ÔNG NGUYỄN LÊ TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Lê Trung là Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh, là người tham gia thành lập và gây dựng Công ty từ những ngày đầu thành lập. Ông có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Ông là một trong những người hiểu rõ từng ưu thế và nhược điểm của Công ty nhờ đã trải qua nhiều vị trí quan trọng trong ban điều hành như Kế toán trưởng; Phó Tổng giám đốc; Ủy viên Hội đồng quản trị.

4. ÔNG NGUYỄN ĐỨC DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đức Dũng là Thạc Sỹ Quản trị Kinh doanh, ông có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông tham gia làm việc tại Công ty từ năm 2007 và được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty.

5. BÀ HÒA THỊ THU HÀ

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Hòa Thị Thu Hà là Cử nhân kinh tế, Bà có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, tham gia vào Công ty từ năm 2006 và hiện nay đang giữ chức vụ Ủy Viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội Đồng Quản trị Công ty đều là những người có trình độ chuyên môn và thâm niên Công tác tốt. Trong số 5 thành Viên Hội Đồng quản trị có 1 thành viên là Tổng giám đốc, 1 thành viên là Phó Tổng giám đốc, 1 thành viên là Kế toán trưởng Công ty. Hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được thực hiện tại trụ sở Công ty với sự có mặt của tất cả các thành viên. Trong trường hợp bất khả kháng không có đủ 5 thành viên trong cuộc họp thì các hình thức trao đổi công việc với nhau qua điện thoại, E-mail hay các phương tiện truyền thông hiện đại khác đều được các thành viên Hội đồng quản trị áp dụng, thực hiện để trao đổi xử lý công việc nhanh

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm ba thành viên theo Quy định của Điều lệ Công ty, bao gồm các ông/bà:

TT	Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Thái Hưng	Trưởng ban
2	Bà Vũ Thị Thúy Nguyên	Ủy viên
3	Bà Văn Thị Lan Anh	Ủy viên

Trong số 3 thành viên Ban kiểm soát có 2 thành viên độc lập không làm việc trong Công ty, thành viên còn lại làm việc tại phòng Hành chính - Tổng hợp điều này tạo tính khách quan và minh bạch cho hoạt động của Ban kiểm soát.

BAN GIÁM ĐỐC

TT	Tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Anh Dương	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc
3	Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng giám đốc

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Số lượng cán bộ, công nhân và chính sách với người lao động:

Tổng số cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty trên 1.000 người. Ngoài ra, Công ty áp dụng nhân sự làm việc thời vụ hoặc hợp đồng khoán để phục vụ những thời điểm cần thiết. Người lao động làm việc tại công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty cũng rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia hưởng ứng công tác Đoàn thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề...

Chính sách đối với người lao động

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập.

Với tầm nhìn chiến lược và định hướng lãnh đạo đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương, thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc với mức thưởng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 tổ chức ngày 17/4/2010, Đại hội đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung các thành viên Hội đồng quản trị Công ty như sau:

Miễn nhiệm Ông Vũ Cao Thăng theo đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

Bổ nhiệm Thành viên HĐQT thay thế là Bà Hòa Thị Thu Hà.

Thay đổi nhân sự trong Ban kiểm soát:

Ngày 5/10/2010, Bà Đỗ Thị Thoan có đơn xin từ chức Trưởng ban kiểm soát. Trước tình hình đó Công ty đã tiến hành xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để miễn nhiệm bà Đỗ Thị Thoan và bầu bổ sung ông Lê Thái Hưng làm Trưởng ban kiểm soát thay thế cho bà Đỗ Thị Thoan.

Thay đổi nhân sự Ban Tổng giám đốc:

Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Đại hội đã nhất trí thông qua việc đề ông Phạm Anh Dương đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Ngày 4/8/2010, ông Trần Hoàng Hoan được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc sản xuất thay ông Chu Thái Sơn có đơn xin từ chức.

THỐNG KÊ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HĐQT, BKS, BTGD, VÀ KTT

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/2/2011)

Họ tên	Số CMTND	Số cổ phần	Tỷ lệ
Thành viên HĐQT			
Ông Phạm Anh Dương	012144877	1,113,900	11.25%
Ông Phạm Hoàng Việt	012222457	430,500	4.35%
Ông Nguyễn Lê Trung	013164787	117,000	1.18%
Ông Nguyễn Đức Dũng	125312518	30,000	0.30%
Bà Hòa Thị Thu Hà	100703294	-	-
Thành viên Ban TGD			
Ông Phạm Anh Dương	012144877	1,113,900	11.25%
Ông Nguyễn Lê Trung	013164787	117,000	1.18%
Ông Trần Hoàng Hoan	168243362	-	-
Thành viên BKS			
Ông Lê Thái Hưng	18206413	-	-
Bà Vũ Thị Thúy Nguyễn	011213736	2,900	0.03%
Bà Văn Thị Lan Anh	011873650	-	-

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU NGÀY 28/2/2010

Danh mục	Cổ đông (trong nước)		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tổng
Tổng số vốn chủ sở hữu	95.213.000.000	96,17%	3.787.000.000	3,83%	99.000.000.000	100%
1. Cổ đông nhà nước		00%				
2. Cổ đông đặc biệt						
Cổ đông HĐQT	16.914.000.000	17,08%				
Ban Giám đốc	12.309.000.000	12,43%				
Ban kiểm soát	29.000.000	0,03%				
Kế toán trưởng		00%				
3. Cổ đông khác	82.057.000.000	82,89%				

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Chức vụ	CP trước giao dịch	Thực hiện			CP sau giao dịch	Tỷ lệ nắm giữ sau giao dịch
		Mua	Bán	Ngày		
Phạm Anh Dương	CTHDQT - TGD	907.500	206.400	8/11/2010	1.113.900	11,25%
Nguyễn Thị Tien			701.100	2/8/2010	-	
Đào Văn Duy	Nhân viên CBTT	240.800	300.200	30/10/2010	-	
			326.500	26/08/2010	-	
			214.500	6/10/2010	-	
SSB - DAMQ-Beira Limited		800.000	600.000	3/8/2010	200.000	2,02 %
Công ty cổ phần đầu tư tài chính Thăng Long		540.000	540.000	6/8/2010	-	
Công ty TNHH d tư FC		1.050.000	1.050.000	20/08/2010	-	
	Vợ ông Nguyễn Lê trung - TVHDQT kiêm P.TGD		300		-	
Đặng Thị Hòa			300	21/09/2010	-	
CTCP đầu tư Tam Sơn		3.000.000	3.000.000	20/09/2010	-	

CỔ ĐÔNG LỚN

Tên	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh	ố lượng cổ phần	Tỷ lệ
Phạm Anh Dương	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cá nhân	1.113.900	11,25%

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Ngề nghiệp	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Phạm Anh Dương	17/5/1976	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	CTHDQT kiêm TGD Công ty	1.113.900	11,25%
2	Phạm Hoàng Việt	17/12/1980	Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	TV HDQT Công ty	430.500	4,35%
3	Nguyễn Lê Trung	8/11/1976	Số 3, ngõ 39, Phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	TV HDQT kiêm P.TGD Công ty	117.000	1,18%
4	Nguyễn Đức Dũng	2/11/1974	Xóm 2, Thôn Thượng, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh		30.000	0,30%

Công ty đại diện tại Nhật Bản:
Asia New Power Corporation
Điện thoại: 81-3-5207-6785 Fax: 81-3-5207-6786
Địa chỉ: 5F DPM Bld. 2-7 Kanda Nishi Fukudacho, Chiyodaku, Tokyo, Japan
Phụ trách: Fujii Ann
Email: info@asianewpower.com

Văn phòng đại diện tại Thụy Điển:
AN PHAT PLASTIC
Địa chỉ: Ulvsundavagen 174 168 67 Bromma, Sweden
Điện thoại: (+46)08-55912972
Email: info@anphatplastic.eu
Phụ trách: Ông Vũ Sơn
Di động: (+46)070-4956385



AN PHAT PLASTIC

